

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20-6-2025
“V/v Ly hôn giữa bà E và ông B”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thom

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thanh Nguyên và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Giàu E, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án bà Phan Thị Giàu E (Giàu E) như sau:

Bà Giàu E và ông B chung sống với nhau vào năm 2016 được gia đình hai

bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và thực hiện đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2017 tại UBND xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến năm 2022, sau khi gặp lại người cũ thì ông B tự bỏ nhà đi đến sống với người đó và không còn liên lạc hay quan tâm gì tới vợ con nữa. Bà Giàu E cũng đã tìm cách liên hệ với chồng nhưng ông B không có thiện chí hàn gắn hôn nhân mà kêu vợ chồng ly hôn. Đến nay sau thời gian dài vợ chồng ly thân bà Giàu E xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp diễn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà Giàu E xác định vợ chồng có một người con chung tên Đỗ Văn Q, sinh ngày 03/12/2017. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung sống với bà Giàu E, khi ly hôn bà Giàu E có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng và nợ chung của vợ chồng: Bà Giàu E xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn ông Đỗ Văn B vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn và nguyện vọng nuôi con chung của bà Phan Thị Giàu E.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Đỗ Văn Q có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); xác nhận thông tin về cư trú của ông Đỗ Văn B, giấy căn cước công dân của bà Giàu E (Bản sao); giấy khai sinh của con chung vợ chồng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, ông B được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về hoạt động tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà Giàu E ly hôn với ông B; về con chung giao cháu Đỗ Văn Q cho bà Giàu E tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của bà Giàu E không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật: Bà Giàu E yêu cầu ly hôn với ông B và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông B đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Giàu E, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1 Về hôn nhân: Bà Giàu E và ông B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của bà Giàu E và ông B không còn hạnh phúc kể từ năm 2022 do ông B sau khi gặp lại người cũ đã bỏ nhà đi sống với người đó và không quan tâm tới gia đình và cuộc sống của vợ con. Mặc dù bà Giàu E đã tìm cách liên lạc với ông B mong muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng nhưng không được ông B đồng ý và ông B còn đề nghị ly hôn. Đến nay ông bà đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và

đều không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà Giàu E, xử cho ly hôn giữa bà Giàu E và ông B.

2.2 Về con chung: Bà Giàu E và ông B có một người con chung tên Đỗ Văn Q, sinh ngày 03/12/2017. Từ khi vợ chồng ly thân con chung sống với bà Giàu E có cuộc sống ổn định, hiện tại bà Giàu E có thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung và cháu Đỗ Văn Q cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Đỗ Văn Q cho bà Giàu E tiếp tục nuôi dưỡng sau khi bà Giàu E và ông B ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của bà Giàu E không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Bà Giàu E và ông B có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà Giàu E xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Giàu E là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Giàu E.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị Giàu E và ông Đỗ Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Văn Q, sinh ngày 03/12/2017 cho bà Phan Thị Giàu E tiếp tục nuôi dưỡng sau khi bà Phan Thị Giàu E và ông Đỗ Văn B ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của bà Phan Thị Giàu E không yêu cầu ông Đỗ Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết ông, bà có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Giàu E có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011910 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Bà Phan Thị Giàu E đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 20/6/2025, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Yên ;
- Lưu, HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm